

Số: 2920 /TB-BVTD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

Kết quả Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giờ) năm 2025 lần 1 (Mua sắm gấp) đợt 3 thuộc kế hoạch Mua sắm thuốc năm 2025

Căn cứ Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2004 của UBND TP. HCM về việc cho phép đổi tên Bệnh viện Phụ Sản TP. HCM thành Bệnh viện Từ Dũ trực thuộc Sở Y tế TP. HCM và quy định chức năng, nhiệm vụ của Bệnh viện Từ Dũ;

Căn cứ Quyết định số 4295/QĐ-SYT ngày 20/11/2025 của Sở Y tế TP. HCM về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Từ Dũ trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Khoản 2 Điều 1, Khoản 31 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 06 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công;

Căn cứ Điều 49 Nghị định 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật bảo hiểm y tế;

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Công văn số 390/BHXH-CĐBHYT ngày 24/10/2025 của Bảo hiểm xã hội TP.HCM về việc mua sắm theo Điều 49, Nghị định 188/NĐ-CP đối với cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Công văn số 6501/SYT-NVD ngày 05/11/2025 của Sở Y tế TP.HCM về việc mua sắm thuốc cho công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Từ Dũ (cơ sở 2);

Căn cứ Kết luận Biên bản họp Hội đồng thuốc và điều trị ngày 04/11/2025;

Căn cứ Quyết định số 3261/QĐ-BVTD ngày 06/11/2025 của Bệnh viện Từ Dũ phê duyệt kế hoạch Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giờ) năm 2025 lần 1 (Mua sắm gấp);

Căn cứ Quyết định số 3426/QĐ-BVTD ngày 27/11/2025 của Bệnh viện Từ Dũ phê duyệt kết quả Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giờ) năm 2025 lần 1 (Mua sắm gấp) đợt 3 thuộc kế hoạch Mua sắm thuốc năm 2025.

Bệnh viện Từ Dũ thông báo kết quả Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giờ) năm 2025 lần 1 (Mua sắm gấp) đợt 3 thuộc kế hoạch Mua sắm thuốc năm 2025 như sau:

1. Thông tin về Kế hoạch mua sắm:

- Tên kế hoạch: Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giờ) năm 2025 lần 1 (Mua sắm gấp) thuộc kế hoạch Mua sắm thuốc năm 2025.

- Hình thức mua sắm: Bệnh viện tự quyết định (Theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 1, khoản 31 Điều 1 Luật số 90/2025/QH15 và Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế).

- Nguồn vốn: Nguồn quỹ bảo hiểm y tế; Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; Các nguồn thu hợp pháp khác.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Danh sách công ty, các sản phẩm thuốc mua sắm đợt 3:

- Tổng số mặt hàng mua sắm đợt 3: 81/664 mặt hàng

- Tổng giá mua sắm đợt 3: 2.723.800.170 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ bảy trăm hai mươi ba triệu tám trăm nghìn một trăm bảy mươi đồng)

Danh mục chi tiết theo phụ lục đính kèm.

- Danh sách công ty mua sắm và hoàn thiện, ký kết hợp đồng:

STT	Tên công ty mua sắm
1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIBROS MIỀN NAM
4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÙNG PHÚC
5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEDBOLIDE
6	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ
7	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC
8	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
9	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC
10	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
11	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
12	CÔNG TY CỔ PHẦN SANTAV
13	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THUẬN PHÁT
14	CÔNG TY CỔ PHẦN VILOGI
15	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ AMVGROUP
16	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
17	CÔNG TY CP DP AGIMEXPHARM
18	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VĨNH KHANG
19	CÔNG TY CPDP NHẬT TIẾN
20	CÔNG TY CPTM FAMED
21	CÔNG TY TNHH DP NHẤT ANH
22	CÔNG TY TNHH ĐỨC TÂM
23	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG
24	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM FITO PHARMA
25	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED

STT	Tên công ty mua sắm
26	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HELIOS
27	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NIỀM TIN
28	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG ANH
29	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM STABLED
30	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN
31	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THẮNG LONG
32	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ ÂU VIỆT
33	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI
34	CÔNG TY TNHH DƯỢC VÀ VTYT KIÊN ĐAN
35	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM SAGORA
36	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM
37	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
38	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI LIÊN KẾT QUỐC TẾ
39	CÔNG TY TNHH DP MINH TRÍ
40	CÔNG TY TNHH DP TTB YT BIN BO
41	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM PHÚC
42	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NHẬP KHẨU DƯỢC ĐÔNG NAM Á

3. Đề nghị đại diện hợp pháp của công ty tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Bệnh viện Từ Dũ theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: Từ ngày 28 / 11 /2025, tại địa điểm khoa Dược – Bệnh viện Từ Dũ, 284 Cống Quỳnh, Phường Bến Thành, TP.HCM.

- Thời gian ký kết hợp đồng: Từ ngày 01 / 12 /2025, tại địa điểm khoa Dược – Bệnh viện Từ Dũ, 284 Cống Quỳnh, Phường Bến Thành, TP.HCM (số điện thoại 028.3952.6568 (294)), gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Danh sách công ty;
- Lưu: VT, KD. *gq*

GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Trần Ngọc Hải



PHỤ LỤC

Kết quả Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Từ Dũ cơ sở 2 (xã Cần Giuộc) năm 2025 lần 1 (Mua sắm gấp) đợt 3
(Kèm theo Thông báo số **292/QTB-BVTD** ngày **27** tháng **11** năm 2025 của Bệnh viện Từ Dũ)

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
1	Azithromycin	Zaromax 500	500mg	Viên	Uống	Viên	hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Việt Nam	893110271323	Nhóm 2	5.250	130	682.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
2	Domperidon	Modom's	10mg	Viên	Uống	Viên	hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Việt Nam	VD-20579-14	Nhóm 2	254	45.515	11.560.810	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
3	Kẽm gluconat	Zinc	70mg	Viên	Uống	Viên	hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Việt Nam	VD-21787-14	Nhóm 2	630	2.075	1.307.250	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
4	Metformin hydroclorid	Glumeform 850	850mg	Viên	Uống	Viên	hộp 10 vỉ x 5 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Việt Nam	VD-27564-17	Nhóm 2	426	338.000	143.988.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
5	Methyl prednisolon	Medlon 16	16mg	Viên	Uống	Viên	hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Việt Nam	VD-24620-16	Nhóm 2	1.220	16.120	19.666.400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
6	Paracetamol (Acetaminophen)	Hapacol 150	150mg	Thuốc bột sủi bọt	Uống	Gói	hộp 24 gói x 1,5g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Việt Nam	893100040923	Nhóm 3	668	5.775	3.857.700	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
7	Perindopril (dưới dạng Perindopril Arginine 5mg) 3,395mg; Indapamide 1,25mg; Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate) 5mg	TRIPLIXAM 5mg/1,25mg/5mg	5mg; 1,25mg; 5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 1 lọ x 30 viên	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ailen	VN3-11-17	Nhóm 1	8.557	14.000	119.798.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
8	Simethicon	Espumisan L	40mg/ml	Nhũ dịch uống	Uống	Lọ	Hộp 1 lọ 30ml có nắp nhỏ giọt	Berlin Chemie AG	Đức	VN-22001-19	Nhóm 1	55.923	25	1.398.075	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
9	Hồng hoa, Dương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chi xác, Ngưu tất, Bạch quả.	Cerecaps	Cao khô hỗn hợp (tương ứng với: Hồng hoa 280mg; Dương quy 685mg; Xuyên khung 685mg; Sinh địa 375mg; Cam thảo 375mg; Xích thược 375mg; Sài hồ 280mg; Chi xác 280mg; Ngưu tất 375 mg) 595mg. Cao khô lá bạch quả (tương đương 3,6mg flavonoid toàn phần) 15mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần được trung ương Mediplanex	Việt Nam	VD-24348-16	Nhóm 3	2.238	14.170	31.712.460	Công ty cổ phần Dược Medibros Miền Nam
10	Gliclazid	Gliclada 60mg modified - release tablets	60mg	Viên nén giải phóng kéo dài	Uống	viên	Hộp 2 vỉ x 15 viên, Hộp 4 vỉ x 15 viên, Hộp 8 vỉ x 15 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	383110130824	Nhóm 1	4.830	117.845	569.191.350	Công ty cổ phần được phẩm Hưng Phúc
11	Capsaicin	Zoeger	0,075%, tủy 45g	Kem bôi da	Dùng ngoài	Tuýp	Hộp 1 tuýp 45g	Công ty Cổ phần được Medipharco	Việt Nam	893110205325 (VD-34699-20)	Nhóm 4	178.668	140	25.013.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Medbolide
12	Colistimethat natri (tương đương với Colistin base 33,33mg) 1.000.000 IU	COLISTIN 1 MU	1.000.000 IU	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ	Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm - Nhà máy công nghệ cao Bình Dương	Việt Nam	VD-35188-21	Nhóm 2	320.000	130	41.600.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà
13	Húng chanh, Núc nác, Cineol	Hoastex	22,50g; 5,625g; 41,85mg	Sirô thuốc	Uống	Chai	Hộp 1 chai 45ml	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	893100311300 (VD-25220-16)	Nhóm 3	26.460	160	4.233.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
14	Chai 10g chứa: Glyceryl trinitrate (dưới dạng dung dịch 1% trong cồn)	Nitromint	0,08g	Thuốc phun mù		Chai	Hộp 1 chai x 10g	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	VN-20270-17	Nhóm 1	150.000	20	3.000.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà
15	Lidocaine	Lidocain	3,8g (dưới dạng dung dịch 10% trong cồn)	Thuốc phun mù	Phun mù	Lọ	Hộp 1 Lọ x 38 gam	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	599110011924 (VN-20499-17)	Nhóm 1	159.000	15	2.385.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà
16	Methylidopa anhydrous (dưới dạng methylidopa 1,5 H2O)	Dopegyt	250mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	599110417323 (VN-13124-11)	Nhóm 1	2.200	100	220.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà
17	Promethazine hydrochloride	Pipolphen	50mg/2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ông	Hộp 100 ông x 2ml	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	VN-19640-16	Nhóm 1	15.000	155	2.325.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
18	Trolamine	Biafine	6,7mg/g	Nhũ tương bôi da	Dùng ngoài	Ống	Hộp 1 ống 95g	JNTL Consumer Health (France) S.A.S.	Pháp	VN-9416-09	Nhóm 1	94.500	20	1.890.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà
19	Sắt (III) (dưới dạng Sắt protein succinylat 800mg)	Ferovin	40mg/15ml	Dung dịch uống	Uống	Lọ	Hộp 10 lọ x 15ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	893110281824	Nhóm 4	16.000	5	80.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc
20	Oxacillin (dưới dạng Oxacillin natri)	Oxacillin 1g	1g	Bột pha tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	893110342023	Nhóm 4	31.994	65	2.079.610	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
21	Dioctahedral smectit	LUFOGEL	3g/20ml	Hỗn dịch uống	Uống	Gói	Hộp 20 gói x 20ml	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	VD-31089-18	Nhóm 4	4.500	3.035	13.657.500	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
22	Levocetirizin dihydroclorid	ACRITEL-10	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	893100415024	Nhóm 4	2.900	460	1.334.000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
23	Dextrose khan; Natri clorid; Kali clorid; Natri lactat; Calci clorid dihydrat	LACTATED RINGER'S AND DEXTROSE	(11,365g, 1,5g, 75mg, 750mg, 50mg/250ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Thùng 20 chai 500ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	VD-21953-14	Nhóm 4	11.550	585	6.756.750	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
24	Bacillus subtilis	DOMUVAR	2x10 ⁹ CFU	Hỗn dịch uống	Uống	Ống	Hộp 8 vỉ x 5 ống nhựa x 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	893400090523	Nhóm 4	5.250	8.300	43.575.000	Công ty Cổ phần Santav
25	Paracetamol (Acetaminophen)	PARTAMOL TAB.	500mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	893100156725	Nhóm 1	480	117.820	56.553.600	Công ty Cổ phần Santav
26	Enalapril maleat+ hydrochlorothiazid	S-Enala 5	5mg + 12,5mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	893110307824 (VD-31044-18)	Nhóm 2	3.150	33.200	104.580.000	Công ty cổ phần thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế Thuận Phát
27	Amphotericin B*	Amphot	50mg	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm truyền	Lọ	Hộp 1 lọ	Lyka Labs Limited	India	VN-19777-16	Nhóm 5	200.000	5	1.000.000	Công ty Cổ phần Vilogi

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GP/NK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
28	Virus đại bất hoạt (chủng Pitman moore, được nhân giống trên tế bào Vero)	INDIRAB	$\geq 2,5$ IU/0,5ml	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm bắp/ Tiêm trong da	Lọ	Hộp 1 lọ bột đông khô đơn liều, 1 ống dùng môi hoàn nguyên NaCl 1,5mg/0,5ml và 1 xy lanh vô trùng	Bharat Biotech International Limited	Ân Độ	890310249723 (QL/VX-1042-17)	Nhóm 5	169.890	35	5.946.150	Công ty Cổ phần Y tế AMVGROUP
29	Amisulprid	Nesulix	200mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	VD-21204-14 (893110011400)	Nhóm 2	5.000	1.385	6.925.000	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN DƯỢC DANAPHA
30	Phenobarbital	Garotal INJ	200mg	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 20 ống x 2ml	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	VD-16785-12	Nhóm 4	12.600	60	756.000	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN DƯỢC DANAPHA
31	Sulpirid	Sulpirid 50mg	50mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	893110139124	Nhóm 2	460	4.265	1.961.900	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN DƯỢC DANAPHA
32	Ibuprofen	Agirofen 200	200mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	893100066000	Nhóm 4	392	210	82.320	Công ty CP DP Agimexpharm
33	Ibuprofen	Agirofen 200	200mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	893100066000	Nhóm 4	392	5.795	2.271.640	Công ty CP DP Agimexpharm
34	Mã tiền chế, Thương mại, Hương phụ từ chế, Mộc hương, Địa liên, Quế chi.	Fremine	50mg; 20mg; 13mg; 8mg; 6mg; 3mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược Phẩm TW3	Việt Nam	VD-25306-16	Nhóm 3	1.800	24.000	43.200.000	Công ty CP được phân và trang thiết bị y tế Vinh Khang
35	Amiodaron Hydroclorid	Aldarone	200mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Cadila Pharmaceuticals Ltd	Ân Độ	890110401423	Nhóm 2	2.680	100	268.000	Công ty CPDP Nhật Tiến
36	Amlodipin (dưới dạng amlodipin besilat); Atorvastatin (dưới dạng atorvastatin calci)	Amdepin Duo	5mg; 10mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Cadila Pharmaceuticals Ltd	Ân Độ	890110002724	Nhóm 2	3.660	37.545	137.414.700	Công ty CPDP Nhật Tiến

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SĐK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
37	Ofloxacin	Ofloxacin-POS 3mg/ml	3mg/ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ 5ml	URSAPHARM Arzneimittel GmbH	Đức	400115010324	Nhóm 1	52.900	235	12.431.500	Công ty Cổ phần thương mại FAMED
38	Amlodipin + Valsartan	CCL Valam 10/160 Tablet	10mg+160mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: CCL Pharmaceuticals (Pvt.) Ltd.; Cơ sở đóng gói thứ cấp: Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Việt Nam	893110730824	Nhóm 3	11.550	5.535	63.929.250	Công ty TNHH Đầu tư Nhập khẩu được Đông Nam Á
39	Diclofenac natri	Dicloval Supp.	100mg	Viên đặt trực tràng	Đặt trực tràng	Viên	Hộp 2 vỉ x 5 viên	CSSX, ĐG: RubiePharm Arzneimittel GmbH CSXX: Walter Ritter GmbH + Co. KG	Germany	400110121924	Nhóm 1	15.000	300	4.500.000	Công ty TNHH DP Nhật Anh
40	Metronidazol + clindamycin	Acnequidit	160mg + 200mg	Dung dịch dùng ngoài	Dùng ngoài	Lọ	Hộp 1 lọ 20ml	Công ty CP hóa dược Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	VD-19571-13	Nhóm 4	40.000	25	1.000.000	Công ty TNHH Đức Tâm
41	Pralidoxim clorid	Pralidoxime Chloride for Injection USP 500mg	500mg	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 1 lọ	Swiss Parenterals Ltd.	Ấn Độ	890110768424	Nhóm 5	79.000	90	7.110.000	Công ty TNHH Dược phẩm Châu Á - Thái Bình Dương
42	Nhân sâm, Hoàng kỳ, Đường quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, Gừng tươi, Đại táo	Bổ trung ích khí-F	Mỗi viên chứa: Cao khô được liệu 190mg tương đương Hoàng kỳ 733mg; Cam thảo 327mg; Bạch truật 250mg; Trần bì 250mg; Thăng ma 250mg; Sài hồ 250mg; Đường quy 195mg; Nhân sâm 195mg; Đại táo 167mg; Sinh khương 83mg. Bột mịn được liệu gồm: Hoàng kỳ 100mg; Cam thảo 90mg; Đường quy 55mg; Nhân sâm 55mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng	Công ty TNHH Dược Phẩm Fito pharma	Việt Nam	VD-20533-14	Nhóm 3	882	360.000	317.520.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Fito pharma
43	Bromfenac natri hydrat	Bronuck ophthalmic solution 0.1%	1mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ x 5ml	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	Nhật	VN-20626-17	BDG	128.000	170	21.760.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
44	Adapalene	Differin Cream 0.1%	0,10%	Kem	Dùng ngoài	Tuyp	Hộp 1 tuyp 30g	Laboratoires Galderma	Pháp	VN-19652-16	Nhóm 1	153.002	25	3.825.050	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
45	Calcipotriol	Daivonex	50mg/g	Thuốc mỡ	Dùng ngoài	Tuýp	Hộp 1 tuýp 30g	LEO Laboratories Limited	Ireland	VN-21355-18	Nhóm 1	300.300	25	7.507.500	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
46	Fusidic acid + Betamethason (dưới dạng valerat)	Fucicort	2% (w/w) + 0,1% (w/w)	Kem	Dùng ngoài	Tuýp	Hộp 1 tuýp 15g	LEO Laboratories Limited	Ireland	539110417123	Nhóm 1	98.340	250	24.585.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
47	Acid Fusidic + Hydrocortison acetat	Fucidin H	20mg/g + 10mg/g	Kem	Dùng ngoài	Tuýp	Hộp 1 tuýp 15g	LEO Laboratories Limited	Ireland	539110034823	Nhóm 1	97.130	55	5.342.150	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
48	Keiorolac Tromethamin	Movepain	30mg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 6 ống x 1ml	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	899110017624	Nhóm 2	6.950	140	973.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
49	Polyethylene glycol 400 + Propylen glycol	Systane Ultra	0,4% + 0,3%	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ 5ml	Alcon Research, LLC	Mỹ	VN-19762-16	Nhóm 1	60.099	35	2.103.465	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
50	Prednisolon acetat	Pred Forte	1% w/v (10mg/ml)	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai	Hộp 1 chai 5ml	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	VN-14893-12	NHóm 1	55.000	170	9.350.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
51	Travoprost + Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	Duotrav	0,04mg/ml + 5mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Hộp 1 lọ 2,5ml	Novartis Manufacturing NV	Bi	VN-16936-13	Nhóm 1	320.000	20	6.400.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
52	Xylometazoline Hydrochloride	Otrivin	5mg/10ml	Dung dịch nhỏ mũi	Nhỏ mũi	Lọ	Hộp 1 lọ 10ml	Haleon CH SARL	Thụy Sĩ	VN-22705-21	NHóm 1	38.500	10	385.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed
53	Guiaiazulen + Dimethicon	Pepsia	4mg/10g + 3000mg/10g	Thuốc uống dạng gel	Uống	Gói	Hộp 30 gói x 10g	Công ty cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	893100027400	Nhóm 4	3.549	100	354.900	Công ty TNHH Dược phẩm Helios
54	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydroclorid)	Valbivi 1g	1000mg	Bột pha tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco	Việt Nam	893115545924	Nhóm 4	29.480	40	1.179.200	Công ty TNHH Dược phẩm Helios
55	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydroclorid)	Valbivi 0,5g	500mg	Bột pha tiêm	Tiêm	Lọ	Hộp 10 lọ	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco	Việt Nam	893115897924	Nhóm 4	14.979	1.280	19.173.120	Công ty TNHH Dược phẩm Helios

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
56	Cefaclor	Biclor 375 DT.	375mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	893110208824 (VD-30513-18)	Nhóm 4	8.760	8.300	72.708.000	Công ty TNHH Dược phẩm Niềm Tin
57	Epoetin alfa	binocrit	4000IU/0,4ml	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	tiêm	bơm tiêm	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn và hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn có nắp an toàn kim tiêm;	Cơ sở sản xuất : IDT Biologika GmbH; Cơ sở xuất xưởng : Sandoz GmbH	CSSX : Đức; CSXX : Áo	400410178900 (QLSP-912-16)	Nhóm 1	432.740	100	43.274.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG ANH
58	Candesartan	Cardesartan 12	12mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	VD-35346-21	Nhóm 4	1.491	35.970	53.631.270	Công ty TNHH Dược phẩm STABLED
59	Gabapentin	Mezapentin 600	600mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	893110286223 (VD-27886-17)	Nhóm 4	2.499	1.855	4.635.645	Công ty TNHH Dược phẩm STABLED
60	Methocarbamol	Mycotrova 1000	1000mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	893110158024 (VD-27941-17)	Nhóm 4	2.499	18.260	45.631.740	Công ty TNHH Dược phẩm STABLED
61	Drotaverin clohydrat	Drotusc Forte	80mg	Viên	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty CPDP Me Di Sun	Việt Nam	893110024600 (VD-24789-16)	Nhóm 3	987	6.725	6.637.575	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN
62	Amoxicilin+ Acid clavulanic	Iba-Mentin 1000mg/62.5mg	1000mg + 62.5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	893110270900 (VD-28065-17)	Nhóm 4	15.781	11.070	174.695.670	Công ty TNHH Dược phẩm Thăng Long
63	Metformin hydrochloride + Glizalide	Melanov-M	500mg + 80mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Micro Labs Limited	India	VN-20575-17	Nhóm 3	3.800	18.100	68.780.000	Công ty TNHH Dược phẩm Thiết Bị Y Tế Âu Việt
64	Etomidate	Etomidate Lipuro	20mg/ 10ml	Nhũ dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Ống	Hộp 10 ống thủy tinh 10ml	B.Braun Melsungen AG	Đức	VN-22231-19	Nhóm 1	119.994	5	599.970	Công ty TNHH Dược phẩm Tuệ Hải
65	Mỗi 500ml chứa: Succinylated Gelatin (Modified fluid gelatin) 20,0g + Sodium clorid 3.505g+ Sodium hydroxid 0,68g	Gelofusine	20g+ 3.505g+0,68g	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	Hộp 10 chai 500ml	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd	Malaysia	VN-20882-18 (955110002024)	Nhóm 5	115.983	50	5.799.150	Công ty TNHH Dược phẩm Tuệ Hải

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SPK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
66	Natri bicarbonat	4.2% w/v Sodium Bicarbonate	10.5g/250ml	Dịch tiêm truyền tĩnh	Tiêm truyền	Chai	Hộp 10 chai 250ml	B. Braun Meisingen AG	Đức	VN-18586-15	Nhóm 1	96.894	120	11.627.280	Công ty TNHH Dược Phẩm Tuệ Hải
67	Levobupivacaine (dưới dạng Levobupivacaine hydrochloride)	Levobupivacaine Bioindustria L.L.M	5mg/ml; 10ml	Dung dịch tiêm, tiêm truyền	Tiêm, tiêm truyền	Ống	Hộp 10 ống 10ml	Bioindustria L.L.M (Laboratorio Italiano Medicinali) S.p.A	Ý	VN-22960-21	Nhóm 1	109.500	10	1.095.000	Công ty TNHH Dược và Vật Tư Y Tế Kiên Đan
68	Fluvastatin	Fluvastatin 40mg	40mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Công Ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	893110889324	Nhóm 4	5.750	37.350	214.762.500	Công Ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Sagora
69	Diclofenac Natri	Elaria	75mg/3ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 2 vỉ x 5 ống	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	VN-16829-13	Nhóm 1	9.000	200	1.800.000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Thiên Kim
70	Bezafibrate	BEZIFA 200	200mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 03 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Nhà máy 2 công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	893110285625	Nhóm 2	2.800	360	1.008.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
71	Calci carbonat + Vitamin D3	Caldhasan	1.250mg + 125UI	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	VD-34896-20	Nhóm 4	840	100	84.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
72	Itraconazol	Hasanox	100mg	viên nang cứng	Uống	Viên	Hộp 01 vỉ, 03 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	893110617924	Nhóm 4	2.730	1.755	4.791.150	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
73	Sertratin	Zolohasan 50mg	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 01 vỉ x 30 viên, 03 vỉ x 30 viên, 06 vỉ x 30 viên.	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	VD-36083-22	Nhóm 4	840	315	264.600	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
74	Nicorandil	Nicomen Tablets 5mg	5mg	Viên nén uống	viên	viên	Hộp 1 túi nhôm 10 vỉ x 10 viên	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd	Đài Loan	VN-22197-19	Nhóm 2	3.300	1.560	5.148.000	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI LIÊN KẾT QUỐC TẾ
75	Sucralát	Cratusca Suspension "Standard"	1g/10ml	Hỗn dịch uống	uống	Gói	Hộp 20 gói x 10ml	2nd Plant, Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd	Đài Loan	VN-22473-19	Nhóm 2	5.000	8.300	41.500.000	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI LIÊN KẾT QUỐC TẾ

STT	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	SDK hoặc số GPNK	Nhóm thuốc	Giá mua sắm (đồng)	Số lượng mua sắm	Thành tiền (đồng)	Tên công ty mua sắm
76	Bromhexin	Hexicof	8 mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 10 vi x 10 viên	Gracure Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	890100432723	Nhóm 2	445	47.320	21.057.400	Cty TNHH DP Minh Trí
77	Calcitriol gluconat	Growpone	95,5mg/ml 10%	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Hộp 10 ống	Farnak Joint Stock Company	Ukraine	VN-1641-10-13	Nhóm 2	14.600	10	146.000	Cty TNHH DP Minh Trí
78	Amisulprid	Sullivan	100mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 4 vi x 7 viên,	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	893110133224	Nhóm 2	5.950	1.635	9.728.250	CTY TNHH DP TTB YT BIN BO
79	Topiramet	Huether-25	25mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 6 vi x 10 viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	893110435224	Nhóm 4	3.500	140	490.000	CTY TNHH DP TTB YT BIN BO
80	Topiramet	Huether 50	50mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Hộp 6 vi x 10 viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	893110593524 (VD-28463-17)	Nhóm 4	5.490	100	549.000	CTY TNHH DP TTB YT BIN BO
81	Imidapril hydroclorid	Idatril 5mg	5mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 3 vi *	Chi nhánh công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Việt Nam	VD-18550-13	Nhóm 3	3.500	3.330	11.655.000	Cty TNHH Dược Phẩm Kim Phúc

Tổng số mặt hàng mua sắm: 81 khoản

Tổng giá mua sắm: 2.723.800.170 đồng

Bảng chữ:

Hai tỷ bảy trăm hai mươi ba triệu tám trăm nghìn một trăm bảy mươi đồng



